

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé;
2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 19, ấp Hòa Phú 4, thị trấn An Châu, huyện CT, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Minh Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 23, ấp An Mỹ, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày: Bà và ông Đ tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến 2018 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống khoảng tháng 02 năm 2021 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chồng có người phụ nữ khác gia đình hai bên gia đình không hàn gắn. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với Ngô Minh Đ.

- *Về quan hệ con chung*: Không có.
- *Về quan hệ tài sản và nợ chung*: Bà T trình bày không có.

Bị đơn ông Ngô Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết T.

Tại phiên tòa,

- Bà Nguyễn Thị Tuyết T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Ông Ngô Minh Đ vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Ngô Minh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Minh Đ là có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Tuyết T khởi kiện xin ly hôn với ông Ngô Minh Đ. Ông Đ có nơi cư trú tại tổ 23, ấp An Mỹ, xã HA, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Ngô Minh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện C, tỉnh An Giang ngày 01/10/2015 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết T, sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, chồng có người phụ nữ khác, gia đình hai bên gia đình không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho bà T và ông Đ nhưng ông Đ đều vắng mặt, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không hòa giải được, thể hiện ông Đ không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Do đó, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung*: Bà T trình bày không có con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] *Về án phí*: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết T.
2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn ông Ngô Minh Đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 150 ngày 01/10/2015 của Ủy ban nhân dân xã HA, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Ngô Minh Đ, không còn giá trị pháp lý.

3. *Về quan hệ con chung*: Bà T trình bày không có con chung.
4. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.
5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0007557 ngày 07/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.
6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh